

Số: **43** /BC-BCS

Hải Dương, ngày **11** tháng 4 năm 2018

### **BÁO CÁO**

#### **Quy hoạch cơ sở bảo quản, chế biến nông sản tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Ngày 19/3/2018, Lãnh đạo UBND tỉnh cùng các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã họp để nghe báo cáo về Quy hoạch cơ sở bảo quản, chế biến nông sản tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Căn cứ chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp, Sở Nông nghiệp và PTNT và đơn vị tư vấn đã tiếp thu, chỉnh sửa Quy hoạch. Ban cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Quy hoạch nêu trên với các nội dung chính như sau:

**1. Tên Quy hoạch:** Quy hoạch cơ sở bảo quản, chế biến nông sản tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

**2. Bố cục của Báo cáo Quy hoạch:** Gồm các phần:

- Phần Mở đầu

- Phần I: Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và các điều kiện liên quan đến phát triển cơ sở bảo quản chế biến nông sản tỉnh Hải Dương

- Phần II: Hiện trạng bảo quản, chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2011-2016

- Phần III: Quy hoạch cơ sở bảo quản, chế biến nông sản tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

- Phần IV: Kết luận và Kiến nghị

**3. Quan điểm phát triển:**

- Phát triển cơ sở bảo quản, chế biến nông sản, thủy sản phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội cũng như quy hoạch các ngành, gắn với quá trình CNH - HĐH nông nghiệp nông thôn, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, khai thác tốt các tiềm năng và lợi thế của địa phương;

- Phát triển chế biến gắn với vùng nguyên liệu tập trung. Phát triển những ngành có lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh, có ưu thế về thị trường;

- Huy động các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất và chế biến nông sản, ưu tiên và đẩy mạnh thu hút đầu tư tư nhân phát triển chế biến với công nghệ cao, công nghệ hiện đại, chế biến chuyên sâu, chế biến tinh, đồng thời phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, HTX, hộ cá thể tham gia chế biến nhất là những sản phẩm truyền thống, sản phẩm làng nghề;

- Ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ, trang thiết bị hiện đại kết hợp với công nghệ, thiết bị truyền thống, tổ chức quản lý sản xuất phù hợp; gắn chế biến với chuỗi phát triển ngành hàng nông sản, nhất là những sản phẩm chủ lực (lúa chất lượng, rau củ quả, thịt lợn, gia cầm, cá rô phi,..), nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị sử dụng đất, lao động, tiêu hao ít tài nguyên, nhiên liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

#### **4. Mục tiêu:**

##### **4.1. Mục tiêu chung:**

Phát triển ngành chế biến nông sản, thủy sản tỉnh Hải Dương hiệu quả và bền vững làm cơ sở đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, thủy sản phát triển nhằm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, xây dựng nông thôn mới, tạo nhiều sản phẩm nông sản chế biến, tạo việc làm, tăng nguồn thu ngân sách, bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, môi trường sinh thái.

##### **4.2. Mục tiêu cụ thể:**

- Đến năm 2025:

+ Giá trị sản xuất ngành chế biến bảo quản nông sản đạt 12.537.340 triệu đồng (giá so sánh 2010), tốc độ tăng trưởng 10,1%/năm; GTSX chiếm 5-6% trong tổng GTSX công nghiệp của tỉnh.

+ Kim ngạch xuất khẩu chế biến nông sản ước đạt 42 – 50 triệu USD, tương đương 7 – 10% GTSX chế biến).

+ Tạo ra trên 33.250 việc làm trong lĩnh vực chế biến nông sản thu nhập lao động 70-80 triệu đồng/người/tháng.

+ Nâng tỷ lệ nông sản được chế biến hiện nay (dưới 10%) lên bình quân 25-30%.

- Định hướng đến 2030:

+ Giá trị sản xuất ngành chế biến bảo quản nông sản đạt 19.171.230 triệu đồng (giá so sánh 2010), tốc độ tăng trưởng 8,9%/năm; GTSX chiếm 5-6% trong tổng GTSX công nghiệp của tỉnh.

+ Kim ngạch xuất khẩu chế biến nông sản đạt 70 – 80 triệu USD (tương đương 7 – 10% GTSX chế biến).

+ Tạo ra trên 34.830 việc làm trong lĩnh vực chế biến nông sản, thu nhập lao động 80-90 triệu đồng/người/tháng.

+ Nâng tỷ lệ nông sản được chế biến 30 - 35%.

#### **5. Nội dung quy hoạch cơ sở bảo quản, chế biến nông sản:**

##### **5.1. Chế biến lương thực, thực phẩm:**

- Đến năm 2025: Quy hoạch xây dựng 06 nhà máy xay xát gạo chất lượng cao tại các vùng sản xuất lúa trọng điểm tập trung, công suất 10.000 – 15.000

tấn/năm tại các huyện Gia Lộc, Kinh Môn, Nam Sách, Thanh Hà, Tứ Kỳ; riêng huyện Bình Giang có công suất 15.000 – 20.000 tấn/năm, đi kèm xây dựng các kho bảo quản với tổng tích lượng khoảng 20.000 tấn/năm.

- Đến năm 2030: Ôn định 6 nhà, nâng công suất 5 nhà máy xay xát gạo lên trên 15.000 tấn/năm. Riêng nhà máy xay xát Bình Giang nâng công suất 20.000 tấn/năm định hướng đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu gạo.

Sắp xếp các cơ sở xay xát, chế biến bún, bánh, đậu phụ quy mô hộ cá thể theo hướng vào những cụm làng nghề ngoài khu dân cư. Hỗ trợ đầu tư các công trình xử lý chất thải cho các cơ sở chế biến.

### **5.2. Chế biến, bảo quản rau, củ, quả:**

- Đến năm 2025: Xây dựng các cơ sở sơ chế, chế biến gắn với vùng sản xuất nguyên liệu tập trung. Quy hoạch mới 5 cơ sở chế biến, bảo quản rau, củ, quả ở các huyện Cẩm Giàng, Nam Sách, Kinh Môn, Kim Thành, Gia Lộc, có hệ thống kho lạnh bảo quản với năng lực lưu trữ 2.000 tấn/kho cho các cơ sở. Công suất chế biến 10.000 tấn/năm/cơ sở.

Đầu tư xây dựng 01 cơ sở chế biến trái cây, sản xuất nước ép hoa quả (ổi, cam, cà rốt, bí, chuối, đu đủ..) tại huyện Thanh Hà, công suất 500 nghìn lít/năm, 01 cơ sở chế biến tinh bột sắn dây tại huyện Kinh Môn, công suất 1000 tấn/năm; 01 cơ sở chế biến gia vị (hành tỏi, gừng, nghệ, gừng, ớt...) tại huyện Kinh Môn, công suất 1000-2000 tấn nguyên liệu/năm. Đầu tư hệ thống kho lạnh bảo quản rau, củ, quả cho 3 HTX sản xuất, sơ chế rau củ quả tại Gia Lộc, Cẩm Giàng và Tứ Kỳ, mỗi HTX 1 kho lạnh, công suất 1.000 tấn/kho lạnh.

- Đến năm 2030 nâng cấp 5 cơ sở sơ chế, bảo quản rau, củ, quả tại các huyện Cẩm Giàng, Kinh Môn, Nam Sách, Kim Thành, Gia Lộc lên 16.000 tấn/năm/cơ sở; Nâng công suất cơ sở chế biến trái cây, sản xuất nước ép hoa quả ở huyện Thanh Hà lên 1 triệu lít/năm.

### **5.3. Chế biến bánh kẹo:**

- Đến năm 2025: Tổ chức hoạt động tốt các cơ sở chế biến bánh kẹo đã có trên địa bàn tỉnh, củng cố Hiệp hội bánh đậu xanh thành phố Hải Dương và Hiệp hội bánh gai Ninh Giang. Đầu tư xây dựng 01 cơ sở chế biến các sản phẩm từ gạo (bánh gạo, snack, cookie...) có quy mô công nghiệp tại thành phố Hải Dương, công suất 1.000-2.000 tấn/năm.

- Đến năm 2030: Quy hoạch xây dựng mới 01 cơ sở chế biến các sản phẩm từ gạo (bánh gạo, snack, cookie...) có quy mô công nghiệp tại huyện Thanh Miện, công suất 1.000-2.000 tấn/năm, vốn đầu tư 10 tỷ đồng. Nâng công suất cơ sở sản xuất chế biến các sản phẩm từ gạo (bánh gạo, snack, cookie...) có quy mô công nghiệp lên 3000 tấn/năm ở TP Hải Dương.

### **5.4. Chế biến thịt gia súc, gia cầm:**

- Đến năm 2025: Phát triển theo hướng tăng các cơ sở giết mổ tập trung sử dụng công nghệ dây chuyền giết mổ tiên tiến, cải thiện điều kiện vệ sinh thú

y, máy móc thiết bị mới, hiện đại. Quy hoạch 4 cơ sở giết mổ công nghiệp (loại I), 35 cơ sở giết mổ bán công nghiệp tập trung (loại II), hình thành 102 cơ sở giết mổ thủ công tập trung (loại III). Duy trì, hỗ trợ 2 cơ sở chế biến thịt lợn đông lạnh phát huy tối đa công suất.

Đầu tư xây dựng các kho lạnh bảo quản gắn với các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, quy mô bán công nghiệp, công nghiệp, công suất kho lưu trữ dự kiến 1.000 tấn/kho. Khuyến khích và hỗ trợ các cơ sở giết mổ giết mổ thủ công đầu tư kho lạnh hoặc tủ đông bảo quản thịt.

- Đến năm 2030: Xây dựng thêm 5 cơ sở loại I. Đầu tư nâng cấp một số cơ sở giết mổ loại III lên loại II, nâng cấp năng lực lưu trữ của các kho lạnh bảo quản thịt, phân đấu các cơ sở quy mô doanh nghiệp có hệ thống xử lý chất thải, nước thải đạt chuẩn, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và môi trường.

### **5.5. Chế biến rượu:**

- Đến năm 2025: Ưu tiên phát triển sản xuất quy mô doanh nghiệp với chất lượng cao, công nghệ hiện đại, đến năm 2025 đầu tư xây dựng mới 1 cơ sở doanh nghiệp chế biến rượu tại huyện Ninh Giang, công suất 30.000 lít/năm.

- Đến năm 2030: Tổ chức sắp xếp lại các cơ sở nấu rượu thủ công, quy mô hộ, quản lý chặt chẽ việc cấp phép sản xuất và vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở thủ công.

### **5.6. Chế biến thủy sản:**

Đầu tư xây dựng 2 cơ sở chế biến cá nước ngọt (chủ yếu chế biến từ cá rô phi), có hệ thống kho lạnh, cấp đông, làm mát bảo quản và dây chuyền chế biến hiện đại tại huyện Ninh Giang và Gia Lộc nhằm tận dụng ưu thế nguyên liệu tại chỗ (vùng sản xuất thủy sản tập trung ở các huyện Tứ Kỳ, Gia Lộc, Ninh Giang, Cẩm Giàng), tổng công suất 5.000-10.000 tấn/năm. Khuyến khích phát triển các cơ sở chế biến thủy sản theo hướng ngành nghề thủ công gắn với vùng sản xuất nguyên liệu với các sản phẩm đặc sản (chả cá, chả rươi...).

### **6. Nhu cầu vốn đầu tư: Khoảng: 5.012 tỷ đồng, trong đó:**

- Giai đoạn 2017-2025: 2.824 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách 110 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 3,9%. Trong giai đoạn 2017-2020 được cân đối từ vốn lồng ghép đề án phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2020. Đầu tư vào những lĩnh vực: xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng...;

- Giai đoạn 2026-2030: 2.189 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách: 90 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 4,1%;

### **7. Giải pháp thực hiện quy hoạch:**

- Giải pháp về cơ chế, chính sách;
- Giải pháp phát triển, đào tạo nguồn nhân lực;
- Giải pháp cơ sở hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ;

- Giải pháp thị trường tiêu thụ;
- Giải pháp về khoa học công nghệ và khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư;
- Giải pháp tổ chức sản xuất;
- Giải pháp vốn đầu tư;
- Giải pháp môi trường;
- Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Giải pháp tuyên truyền.

(Ngoài các nội dung chính nêu trên, nội dung chi tiết được thể hiện trong báo cáo Quy hoạch gửi kèm theo).

Trên đây là nội dung chính của Quy hoạch cơ sở bảo quản, chế biến nông sản tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến chỉ đạo. /s/

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Các thành viên BCS Đảng UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy (để bố trí lịch họp);
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh (Ô Hôn, Ô Hải);
- Lưu: VT, Ô Chính (50b) /s/

**TM. BAN CÁN SỰ ĐẢNG  
ỦY VIÊN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Nguyễn Anh Cường**